

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tám;

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Yến L, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Bonh Thanh T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp X, xã D, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà L và ông T yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Yến L trình bày:

Bà Trần Thị Yến L và ông Bonh Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 10/7/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn theo bà L trình bày là do ông T không chịu đi làm, không quan tâm đến vợ con. Mặc dù, bà L nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi. Bà L và ông T không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thanh Phong, sinh ngày 19/6/2019. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Bonh Thanh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông Bonh Thanh T xác định lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, sống chung và ly thân là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T đi nhậu về không dọn dẹp nhà cửa, không chăm con cùng bà L, nên hai vợ chồng nhiều lần cãi vã. Bà L có bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà L sinh sống từ giữa năm 2021 cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L, ông T không đồng ý, do ông T còn thương vợ và con.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thanh Phong, sinh ngày 19/6/2019. Ông T không đồng ý ly hôn nên ông T không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án có mở phiên hòa giải để vợ chồng ông T và bà L có giải pháp đoàn tụ, nhưng bà L có đơn từ chối hòa giải. Bà L và ông T cùng có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Bà L cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bất hòa, không cùng quan điểm sống, tình trạng ngày càng trầm trọng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành hòa giải cho bà L và ông T đoàn tụ nhưng không thành, không đạt được mục đích chung. Bà L vẫn giữ nguyên quyết định ly hôn của mình, còn ông T thì không đồng ý. Hiện bà L và ông T đã ly thân

từ năm 2021, ông T hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy Long An. Do đó, xác định hôn nhân giữa bà L và ông T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thanh Phong, sinh ngày 19/6/2019. Hiện tại con chung còn nhỏ (04 tuổi) đang được bà L chăm sóc tốt, ổn định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông T hiện tại không có khả năng nuôi dưỡng con chung vì đang chấp hành cai nghiện bắt buộc. Đồng thời, để đảm bảo đời sống ổn định và sự phát triển của con chung, nên xem xét giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Yến L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bonh Thanh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Trần Thị Yến L và ông Bonh Thanh T cùng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Yến L thấy rằng: Bà Trần Thị Yến L và ông Bonh Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Hiện tại, bà L không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông T đã thừa nhận vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhưng ông T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông T mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể đoàn tụ được. Trong thời gian không còn sống chung, ông bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Trần Thanh Phong, sinh ngày 19/6/2019. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay.

Quá trình bà L nuôi dưỡng cháu Phong là đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu Phong. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao bà L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật. Bà L có quyền khởi kiện yêu cầu ông T cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Yến L đối với ông Bonh Thanh T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Yến L được ly hôn với ông Bonh Thanh T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Yến L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Phong, sinh ngày 19/6/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Yến L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009738, ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Yến L đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
 - VKSND huyện Bến Lức;
 - Chi cục THADS huyện Bến Lức;
 - UBND xã D
- (Số 36 ngày 10/7/2020);
- Đương sự;
 - Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm

